

Số: 123 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 482/TTr-STC ngày 31/12/2016 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Các tổ chức và cá nhân thuê đò, phà để chở người, tài sản và hàng hóa; khách đi đò, phà.

- Chủ đò, phà hoặc các tổ chức đứng ra kinh doanh đưa đón khách theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

2. Giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (có bảng giá chi tiết kèm theo).

Căn cứ các quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan, các đơn vị sản xuất cung ứng dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước xây dựng phương án giá và quyết định giá cụ thể dịch vụ sử dụng đò, phà nhưng không được vượt quá mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Quản lý, sử dụng giá dịch vụ sử dụng đò, phà.

- Khoản tiền thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được xác định là doanh thu của đơn vị, cá nhân thu. Đơn vị, cá nhân thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Khi thực hiện thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà, đơn vị thu phải lập và cấp hóa đơn giá dịch vụ cho các đối tượng nộp đúng theo quy định hiện hành. Đơn vị thu có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn cụ thể về hóa đơn giá dịch vụ theo quy định.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng đò, phà có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được quy định tại Quyết định này và giá cụ thể do đơn vị, cá nhân quyết định; quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ và nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố, và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện giá dịch vụ sử dụng đò, phà theo quy định tại quyết định này.

3. Giao cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn kê khai thuế và sử dụng hóa đơn bán hàng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp, kinh doanh dịch vụ sử dụng đò, phà theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- TT Tỉnh ủy
- TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học Công báo;
- Trưởng phòng khối NCTH;
- Lưu: VT (Huy. TH).

(Báo
cáo);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huấn



**BẢNG GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ, PHÀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Đối với đò, phà ngang (Đò, phà có gắn máy):		
1.1	Hành khách	người/lượt	3.000
1.2	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	4.000
1.3	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	7.000
1.4	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	7.000
2	Đối với vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang		
2.1	Tuyến Na Hang – Bản Sầm (xã Sơn Phú):		
	Hành khách	người/lượt	17.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	5.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	10.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	10.000
2.2	Tuyến Na Hang - Bản Cài (Đèo Bụt xã Xuân Tiến cũ):		
	Hành khách	người/lượt	20.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	7.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	12.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	10.000
2.3	Tuyến Na Hang - xã Thụy Loa:		
	Hành khách	người/lượt	35.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	10.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	20.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	18.000
2.4	Tuyến Na Hang - Bản Lãm (xã Khâu Tinh):		
	Hành khách	người/lượt	25.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	5.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	10.000
	Hàng hóa (50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	10.000
2.5	Tuyến Na Hang - Yên Hòa:		
	Hành khách	người/lượt	30.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	7.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	16.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	12.000
2.6	Tuyến Na Hang - Đà Vị		
	Hành khách	người/lượt	30.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	8.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	16.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	12.000
2.7	Tuyến Na Hang - Bản Khai Phần (xã Đà Vị)		
	Hành khách	người/lượt	35.000
	Xe đạp (gồm cả xe đạp điện)	xe/lượt	10.000
	Xe máy (gồm cả xe máy điện)	xe/lượt	18.000
	Hàng hóa (từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg)	lượt	15.000
2.8	Thuê thuyền theo hợp đồng		
	Thuyền bình thường	chỗ ngồi/giờ	12.500
	Thuyền chất lượng cao	chỗ ngồi/giờ	15.000

Đối với hàng hóa từ 100 kg trở lên, khối lượng kế tiếp của mỗi lần tăng từ 50 kg trở lên đến dưới 100 kg thì mức thu được tính bằng 120% mức thu ban đầu (từ 50 kg đến dưới 100 kg) của lần kế tiếp nhưng không vượt quá 10 lần của mức thu ban đầu (từ 50 kg đến dưới 100 kg).